

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 22/03/2026

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD2+BK9+CTK3	7:25	22+0+0	0+0+0		16+0+6	0+0+0	chuyen 2 bk9- ctk3
2		TD1+BK6	7:25	22+0	0+0		15+5	0+0	
3		TD5+TD2	7:25	19+3	0+0		17+5	0+0	
4		P8+P11	9:25	3+19	0+0		0+22	0+0	
5		P11+CLO	9:25	10+12	0+0		6+16	0+0	
6		TD5+TD3	9:25	4+16	0+0		1+21	0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO: TD2 - BK9 - CTK3	CREW: QVIỆT - N.CƯƠNG - HUY	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 1	VNHS FLIGHT: TM26/1278		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN NGỌC THẠCH	TD2	88	1	6			59	D-HANH	Vietnamese
2	VANEEV DMITRIY	TD2	82	1	12			105	KHOAN	Russian
3	GROMOV SERGEY	TD2	81	1	11			82	KHOAN	Russian
4	BUI HUU HONG	TD2	85	1	3			80	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN THANH TUYỀN	TD2	86	1	8			79	KHOAN	Vietnamese
6	LÊ VIỆT CHIẾN	TD2	80	1	4			72	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN THANH TUNG	TD2	84	1	6			54	KHOAN	Vietnamese
8	TRẦN VĂN CHUNG	TD2	75	1	7			66	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN DUY KHANH	TD2	76-77	2	9			61	KHOAN	Vietnamese
10	ĐO VĂN MẠO	TD2	91-92	2	10			72	KHOAN	Vietnamese
11	NGÔ QUANG HUNG	TD2	78	1	13			77	KHOAN	Vietnamese
12	TRƯỜNG ĐỨC MẠNH	TD2	83	1	12			80	KHOAN	Vietnamese
13	VÕ HỒNG QUY	TD2	89-90	2	18			52	KHOAN	Vietnamese
14	BUI VĂN LỢI	TD2	74	1	13			77	KHOAN	Vietnamese
15	LÊ THẾ CÔNG	TD2	79	1	12			76	KHOAN	Vietnamese
16	LÊ VĂN QUẢN	TD2	87	1	11			70	KHOAN	Vietnamese
17	TÀ TƯƠNG HÙNG DŨNG *	TD2	97,99,07	3	18			80	TC NĂNG L	Vietnamese
18	NGUYỄN NGỌC PHƯỚC	TD2	01	1	3			74	TC NĂNG L	Vietnamese
19	TRẦN QUANG LONG	TD2	93-94	2	18	1	7	84	TC NĂNG L	Vietnamese
20	HOÀNG THỊ VĂN ANH	TD2	96	1	4			63	D-HANH	Vietnamese
21	LÊ ĐĂNG KHOA	TD2	400	1	5			70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD2	21	1.533	27	203	1	7	15		
2	BK9	0	0	0	0	3	40	0 + 2	CHUYEN 2 PAX BK9 SANG CTK3	
3	CTK3	0	0	0	0	0	0	7		
TOTAL		21	1.533	27	203	4	47	22		
WEIGHT KG			1.533		203		47			

GRAND TOAL: 1.783 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT

PHAN NHƯ CƯƠNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
B.CARD: CAM-1	TO: TD1 - BK6	CREW: KHOAN - SON - MQUAN	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 2	VNHS FLIGHT: TM26/1285		

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	LÊ TRUNG SƠN	TD1	45	1	8			68	D-HANH	Vietnamese
2	LÊ TRỌNG LƯỢNG	TD1	50	1	4			62	KHOAN	Vietnamese
3	HOANG VĂN NAM	TD1	40	1	8			70	KHOAN	Vietnamese
4	PHAN VIỆT HÙNG	TD1	52	1	5			74	KHOAN	Vietnamese
5	MAI VĂN HỘI	TD1	53	1	3			72	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN ANH	TD1	55-56	2	19			79	KHOAN	Vietnamese
7	TRẦN VĂN SANG	TD1	51	1	6			64	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN XUÂN PHU	TD1	47	1	5			83	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN ĐĂNG LAM	TD1	43	1	5			63	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN TRƯỜNG DUƠNG	TD1	38-39	2	18			88	KHOAN	Vietnamese
11	HOANG ANH TUẤN	TD1	41	1	9			81	KHOAN	Vietnamese
12	HOANG VĂN MINH	TD1	48	1	2			67	KHOAN	Vietnamese
13	VŨ THANH CÔNG	TD1	54	1	10			68	KHOAN	Vietnamese
14	LƯU ĐÌNH MINH	TD1	42	1	10			82	KHOAN	Vietnamese
15	TRƯỜNG QUỐC THANG	TD1	57	1	17			87	DVL	Vietnamese
16	PHẠM ĐỨC THĂNG	TD1	59	1	10			75	DVL	Vietnamese
17	MAI VĂN DUƠNG	TD1	49	1	9			83	DVL	Vietnamese
18	ĐỖ THANH TIẾN	TD1	44	1	14	6	82	76	DVL	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN HIẾU	TD1	58	1	15			85	DVL	Vietnamese
20	NGÔ THANH SƠN	TD1	46	1	12			76	DVL	Vietnamese
21	LÊ VĂN NGỌC	TD1						76	PSV	Vietnamese
22	ĐÀU ĐỨC HÙNG	TD1	66	1	3			72	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD1	22	1.651	23	192	6	82	15		
2	BK6	0	0	0	0	0	0	5		
TOTAL		22	1.651	23	192	6	82	20		
WEIGHT KG			1.651		192		82			

GRAND TOAL: 1.925 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐINH THỊ HÒA

CREW

ĐỖ XUÂN HOÀN

PHẠM THÁI SƠN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:40
B.CARD: VANG-1	TO: TD5 - TD2	CREW: LHM - TDONG - DUNG	ETA: 09:30
VSP FLIGHT: 3		VNHS FLIGHT: TM26/1283	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	HOANG VAN THUONG	TD5	49-50	2	10	6	117	77	KHOAN	Vietnamese
2	PHAM VAN HANH	TD5	46	1	6	1	19	87	KHOAN	Vietnamese
3	DO VAN HUNG	TD5	56	1	4			78	KHOAN	Vietnamese
4	LE VAN HIEN	TD5	95	1	5			77	KHOAN	Vietnamese
5	BAO NGUYEN LOC	TD5	48	1	5			60	KHOAN	Vietnamese
6	PHAM VAN LUAN	TD5	97	1	3			62	KHOAN	Vietnamese
7	TRINH ANH TRUONG	TD5	52	1	3			69	KHOAN	Vietnamese
8	TRAN CONG HUNG	TD5	96	1	5			74	KHOAN	Vietnamese
9	DO VAN TOAN	TD5	51	1	2			65	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN MINH HIEU	TD5	66	1	6			84	KHOAN	Vietnamese
11	TRAN QUAN	TD5	47	1	6			55	KHOAN	Vietnamese
12	DO VAN NAM	TD5	54-55	2	14			71	YTE	Vietnamese
13	NGUYEN TRUONG THIEN	TD5	57	1	10			86	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN MANH HUNG	TD5	93	1	11			68	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN TRUNG KIEN	TD5	45	1	8			70	KHOAN	Vietnamese
16	BUI TRUNG HIEU	TD5	94,800	2	10			70	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN VAN CAO	TD5	58	1	17			64	CODIEN	Vietnamese
18	TRINH NGOC TU	TD5	53	1	8			73	CODIEN	Vietnamese
19	VU DINH GIANG	TD5	98	1	8			64	PSV	Vietnamese
20	LE VAN GIAP	TD2	87	1	5			63	PSV	Vietnamese
21	NGUYEN CONG DUAN	TD2	88	1	5			58	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD5	19	1.354	22	141	7	136	16		
2	TD2	2	121	2	10	0	0	6		
TOTAL		21	1.475	24	151	7	136	22		
WEIGHT KG			1.475		151		136			

GRAND TOAL: 1.762 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

NGUYEN QUANG THINH

CREW

LUU THANH HAI
NGUYEN THUC DONG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
B.CARD: XANH-2	TO: P8 - P11	CREW: VIỆT - N.CƯƠNG - HUY	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 4		VNHS FLIGHT: TM26/1279	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYEN HUY PHUC	P8	46-47	2	11			60	KHOAN	Vietnamese
2	TRAN QUOC TUAN	P8	49	1	4			66	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN TAN PHUOC	P8	48	1	9			61	KHOAN	Vietnamese
4	BUI VAN CHINH	P11						90	KHOAN	Vietnamese
5	TRAN MINH HIEU	P11	83	1	7			78	KHOAN	Vietnamese
6	VO VAN HUNG	P11	81	1	8			69	KHOAN	Vietnamese
7	KHUAT QUANG KIEN	P11	82	1	8			68	KHOAN	Vietnamese
8	PHAM DINH THUYET	P11	72	1	6			80	KHOAN	Vietnamese
9	BUI NGOC LAM	P11	73	1	6			72	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN HUY HUNG	P11	80	1	3			71	KHOAN	Vietnamese
11	LE TIEN DUNG	P11	60	1	3			70	KHOAN	Vietnamese
12	PHAM VAN SON	P11	79	1	8			57	KHOAN	Vietnamese
13	HOANG NHAT QUANG	P11	74	1	5			58	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN PHAN DIEP	P11	61-62	2	12			63	KHOAN	Vietnamese
15	DINH NGOC HUNG	P11	64	1	9			63	XAYLAP	Vietnamese
16	HOANG VAN THUYET	P11	77-78	2	15			61	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYEN TIEN TRONG	P11	70-71	2	17			78	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYEN DINH TOI	P11	65	1	16	1	10	70	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYEN CONG DANH	P11	67-68	2	17			79	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYEN KHAC THEP	P11	75-76	2	18			56	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYEN HUU KHUYEN	P11	63	1	12			60	XAYLAP	Vietnamese
22	LE VAN THU	P11	69	1	17			75	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P8	3	187	4	24	0	0	0		
2	P11	19	1.318	23	187	1	10	22		
TOTAL		22	1.505	27	211	1	10	22		
WEIGHT KG			1.505		211		10			

GRAND TOAL: 1.726 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT

PHAN NHƯ CƯỜNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:55
B.CARD: CAM-2	TO: P11 - CLO	CREW: KHOÀN - SON - MQUÂN	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 5		VNHS FLIGHT: TM26/1286	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	BUI TRUNG NHAN	P11	842	1	13			50	XAYLAP	Vietnamese
2	LE DINH QUANG	P11	843	1	8			55	XAYLAP	Vietnamese
3	PHAM VAN DUONG	P11	41-42	2	15			57	XAYLAP	Vietnamese
4	HO TRUNG HAI	P11	839-840	2	16			62	XAYLAP	Vietnamese
5	TRAN VAN TRINH	P11	841	1	13			65	XAYLAP	Vietnamese
6	DINH VAN TE	P11	845	1	13			74	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYEN BA CUONG	P11	43-44	2	14			70	XAYLAP	Vietnamese
8	LE NGOC ANH	P11	40	1	16			93	XAYLAP	Vietnamese
9	TRAN BA DIEP	P11	38-39	2	20			78	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYEN NGOC DONG	P11	36-37	2	20			74	XAYLAP	Vietnamese
11	VOROBYEV SERGEY	CLO	61	1	5			105	KHOAN	Russian
12	DATSKO PAVEL	CLO	57	1	9			113	KHOAN	Russian
13	NGUYEN VAN LOC	CLO	60	1	9			70	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN TUAN ANH	CLO	51	1	3			74	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN CONG TAM*	CLO	59	1	4			68	KHOAN	Vietnamese
16	TRAN HUU SON	CLO	83	1	10			69	KHOAN	Vietnamese
17	HOANG MINH PHUC	CLO	58	1	4			75	KHOAN	Vietnamese
18	DO THANH LIEM	CLO	47	1	7			63	KHOAN	Vietnamese
19	TRAN BUI QUANG	CLO	53-54	2	12			72	KHOAN	Vietnamese
20	HOANG MINH SON	CLO	50	1	13	2	28	73	ANTOAN	Vietnamese
21	PHAM NGOC TAI	CLO	55-56	2	12			70	KHOAN	Vietnamese
22	NGUYEN DUY DONG	CLO	52,84	2	7			67	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P11	10	678	15	148	0	0	6		
2	CLO	12	919	15	95	2	28	16		
TOTAL		22	1.597	30	243	2	28	22		
WEIGHT KG			1.597		243		28			

GRAND TOAL: 1.868 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ ANH

CREW

ĐỖ XUÂN HOÀN

PHẠM THÁI SƠN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 10:00
B.CARD: VANG-P	TO: TD5 - TD3	CREW: LHM - TDONG - DUNG	ETA: 11:50
VSP FLIGHT: 6		VNHS FLIGHT: TM26/1284	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYEN TRI PHUOC	TD5	69	1	10			68	CODIEN	Vietnamese
2	BINH MAI THIEN	TD5	67	1	12			73	CODIEN	Vietnamese
3	DAO XUAN THO	TD5	66	1	5			69	PSV	Vietnamese
4	NGUYEN TIEN SY	TD5	68	1	3			55	PSV	Vietnamese
5	NGUYEN HAI	TD3	91	1	8	3	49	78	KHOAN	Vietnamese
6	DOAN QUANG BAC	TD3	90	1	4	2	34	68	KHOAN	Vietnamese
7	DO DUY CHINH	TD3	84	1	7			74	KHOAN	Vietnamese
8	BUI CONG SON	TD3	86	1	4			70	KHOAN	Vietnamese
9	LE VAN LY	TD3	99	1	7			60	KHOAN	Vietnamese
10	LE QUOC TRUNG	TD3	300,01	2	10			78	KHOAN	Vietnamese
11	PHAM TRUONG ANH	TD3	88-89	2	4			92	KHOAN	Vietnamese
12	BUI XUAN CUONG	TD3	83	1	12			66	KHOAN	Vietnamese
13	VU TIEN DUNG	TD3						72	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN CAO HOANG	TD3	87	1	2			75	KHOAN	Vietnamese
15	DANG VAN KHOA	TD3	85	1	11			67	KHOAN	Vietnamese
16	LAM VAN DAT	TD3	92-93	2	11			75	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN VAN TIEN	TD3	95	1	6			74	DVL	Vietnamese
18	MAI HUY TU	TD3	97	1	10			59	DVL	Vietnamese
19	NGUYEN QUOC TOAN	TD3	96	1	8			84	DVL	Vietnamese
20	NGUYEN QUANG MINH	TD3	94	1	8			82	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD5	4	265	4	30	0	0	2		
2	TD3	16	1.174	18	112	5	83	20		
TOTAL		20	1.439	22	142	5	83	22		
WEIGHT KG			1.439		142		83			

GRAND TOAL: 1.664 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

NGUYEN QUANG THINH

CREW

LUU THANH HAI
 NGUYEN THUC DONG